

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM NPS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM NPS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NPS SOFTWARE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NPS SOFTWARE.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108022136

**3. Ngày thành lập:** 13/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 hẻm 105/7/5 Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 66825578

Fax:

Email: *npsjsc@gmail.com*

Website: *nps.com.vn*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                       | 6311        |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8560        |
| 3.  | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                                                                                                                                                                            | 9101        |
| 4.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                | 9511        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                             | 9521        |
| 6.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1811        |
| 7.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1812        |
| 8.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                | 1820        |
| 9.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                            | 2817        |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                               | 3312        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                   | 3313        |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                 | 4659        |
| 15. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                   | 4741        |
| 16. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                | 4742        |
| 17. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5820        |
| 18. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6201(Chính) |
| 19. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                      | 6202        |
| 20. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up)                                                                                       | 6190        |
| 21. | Công thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                | 6312        |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)                                                                                                                                                                | 7730        |
| 23. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                               | 9512        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ THÀNH TRUNG    | Đội 2, Xã Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 66.000     | 660.000.000           | 33,000    | 111583758                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 66.000     | 660.000.000           | 33,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGÔ QUỐC TUẤN ANH | Đội 1, Thị Trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 68.000     | 680.000.000           | 34,000    | 135596049                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 68.000     | 680.000.000           | 34,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ KHÁNH VÂN      | Số 31 Kim Đồng, Phường Phúc Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 66.000     | 660.000.000           | 33,000    | 164086647                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 66.000     | 660.000.000           | 33,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGÔ QUỐC TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/10/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 135596049

Ngày cấp: 11/03/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 1, Thị Trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3 hẻm 105/7/5 Bạch Mai, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội